TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **37**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2019
V/v: " Không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lãnh Văn Việt.
2. Ông Tạ Văn Doanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị V - Sinh năm 1976.
Trú quán: Thôn H– Xã TH – Huyện LN – Bắc Giang.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N - Sinh năm 1969.
Trú quán: Thôn H– Xã TH – Huyện LN – Bắc Giang.
(Chị V có mặt, anh N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2019 và những lời khai của nguyên đơn chị Thân Thị V, lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn N, quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Thân Thị V và anh Nguyễn Văn N về chung sống cùng nhau vào tháng 11 năm 1996. Trước khi kết hôn chị V, anh N có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Từ khi kết hôn đến nay chị V, anh N chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới, chị V, anh N về chung sống cùng nhau ngay và ở tại thôn Thôn H– Xã TH – Huyện LN – Bắc Giang từ đó cho đến nay. Chị V, anh N đều xác định cuộc

sống chung giữa hai bên hạnh phúc được khoảng một thời gian dài. Nhưng vài năm trở lại đây đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị thường xuyền cãi nhau không bảo ban được việc làm ăn kinh tế gia đình khiến tình cảm rạn nứt không có hạnh phúc. Chị V, anh N cũng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả. Hiện nay chị V anh N không còn ai quan tâm tới ai nữa. Đến nay chị V, anh N đều xác định không còn tình cảm với nhau, chị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N, anh N nhất trí ly hôn với chị V.

Về con chung chị V, anh N đều xác định vợ chồng có ba con chung là: Cháu Nguyễn Thị Lan A - sinh ngày 21/6/1998. Cháu Nguyễn Thị Kiều T - sinh ngày 21/9/2000 và cháu Nguyễn Tùng D - sinh ngày 15/12/2008.

Khi ly hôn do cháu Lan A và cháu Kiều Tr đã trưởng thành chị V, anh N không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Tùng D còn nhỏ khi ly hôn anh N nhận nuôi dưỡng cháu Tùng D, chị V đồng ý; Cháu D cũng có nguyện vọng xin được ở với anh N. Chị V, anh N không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị V, anh N tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên Toà chị Thân Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Về con chung chị đồng ý để anh N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tùng D, sinh ngày 15/12/2008, chị không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà anh N vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của anh N, cháu D có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Không công nhận chị Thân Thị V và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tùng D - sinh ngày 15/12/2008. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Thân Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005434 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Thân Thị V khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Văn N. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nuyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Xét yêu cầu và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị V và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh N không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau. Chị V làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh N. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 luật hôn nhân gia đình không công nhận chị Thân Thị V và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị V, anh N đều xác định có ba con chung là: Cháu Nguyễn Thị Lan A - sinh ngày 21/6/1998. Cháu Nguyễn Thị Kiều Tr - sinh ngày 21/9/2000. và cháu Nguyễn Tùng D - sinh ngày 15/12/2008. Cháu Lan A và cháu Kiều Tr đã trưởng thành chị V, anh N không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quết. Cháu Nguyễn Tùng D còn nhỏ khi ly hôn anh N nhận nuôi dưỡng cháu Tùng D, chị V đồng ý, cháu D cũng có nguyện vọng xin được ở với anh N. Chị V anh N không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Tùng D cho anh N nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với Điều 81 luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Tùng D.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị Thân Thị V và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Thân Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị V: Không công nhận chị Thân Thị V và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tùng D - sinh ngày 15/12/2008. Việc cấp dưỡng nuôi không đề đặt ra xem xét, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở chị V thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Thân Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005434 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Phan Văn Thể